

## Phụ lục IV

# TỔ CHỨC KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Công văn số 944/SGDDĐT-QLT ngày 12/4/2022  
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

## **I. ĐỊA ĐIỂM DỰ THI CỦA HỌC SINH**

### **1. Thi vào lớp 10 THPT không chuyên**

- Đối với học sinh chỉ đăng ký dự thi vào lớp 10 THPT công lập không chuyên (không đăng ký thi chuyên), dự thi 03 môn Ngữ Văn, Toán, Ngoại ngữ tại Điểm coi thi của trường THPT công lập mà học sinh đăng ký NV1.

- Đối với học sinh đăng ký dự thi chỉ để lấy ĐXT để xét vào các trường công lập TCTC, ngoài công lập và không thi chuyên thì dự thi tại trường THPT công lập, nơi học sinh đăng ký làm địa điểm dự thi.

### **2. Thi vào lớp 10 THPT chuyên**

Đối với học sinh có đăng ký thi vào lớp 10 THPT chuyên, học sinh phải dự thi các môn không chuyên và môn chuyên, địa điểm dự thi các môn đó như sau:

- Dự thi các môn không chuyên gồm Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ (nếu học sinh có NV đăng ký dự tuyển vào trường THPT công lập không chuyên) tại Điểm coi thi của trường THPT chuyên hoặc có lớp chuyên, nơi học sinh đăng ký NV1 của “*môn chuyên đầu tiên*” (là môn chuyên học sinh thi đầu tiên theo lịch được thông báo tại Phiếu báo dự thi vào lớp 10 THPT năm học 2022-2023).

- Dự thi các môn chuyên tại Điểm coi thi của trường đăng ký NV1 của môn chuyên đó.

## **II. HỘI ĐỒNG THI VÀ BAN THƯ KÝ**

1. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định thành lập Hội đồng thi và các Ban của Hội đồng thi kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2022-2023 để tổ chức thi cho tất cả các học sinh đăng ký dự thi trên toàn Thành phố. Hội đồng thi có các Điểm thi để tổ chức khâu coi thi trong kỳ thi. Các Ban của Hội đồng thi gồm: Ban Thư ký, Ban Vận chuyển và bàn giao đề thi, Ban Coi thi, Ban Làm phách bài thi tự luận, Ban Chấm thi bài thi tự luận, Ban Chấm thi bài thi trắc nghiệm, Ban phúc khảo.

2. Thành phần Hội đồng thi: Chủ tịch là Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (hoặc là Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo trong trường hợp đặc biệt); các Phó Chủ tịch là Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, lãnh đạo phòng có chức năng quản lý giáo dục trung học, GDTX cấp THPT, lãnh đạo trường THCS, THPT; các ủy viên là lãnh đạo một số phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và lãnh đạo trường THCS, THPT; trong đó, ủy viên thường trực là lãnh đạo Phòng Quản lý thi và Kiểm định chất lượng giáo dục.

3. Chủ tịch Hội đồng thi quyết định tổ chức thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn, chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng thi theo quy định của Quy chế thi.

4. Các Ban, các Phó Chủ tịch và ủy viên Hội đồng thi chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công hoặc ủy nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thi.

#### 5. Ban Thư ký

- Thành phần: Trưởng ban do lãnh đạo Hội đồng thi kiêm nhiệm; các Phó Trưởng ban là lãnh đạo phòng của Sở Giáo dục và Đào tạo, lãnh đạo trường THCS, THPT; ủy viên là công chức, viên chức của Sở Giáo dục và Đào tạo, lãnh đạo, giáo viên và nhân viên trường THCS, THPT. Những người tham gia Ban Thư ký Hội đồng thi không được tham gia Ban Làm phách, các Ban Chấm thi và Ban Phúc khảo.

- Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng thi: Tiếp nhận và quản lý dữ liệu đăng ký dự tuyển của học sinh; đánh số báo danh, xếp phòng thi; chuẩn bị các tài liệu, mẫu, biểu dùng tại Điểm thi, phòng thi; nhận, bảo quản bài thi tự luận và Phiếu trả lời trắc nghiệm (TLTN) của thí sinh được đóng trong bì/túi (sau đây gọi chung là túi) còn nguyên niêm phong của các Điểm thi; bàn giao bài thi tự luận được đóng trong các túi còn nguyên niêm phong của các Điểm thi cho Ban Làm phách; nhận, bảo quản bài thi tự luận đã làm phách và được đóng trong các túi còn nguyên niêm phong từ Ban Làm phách; bàn giao bài thi tự luận đã làm phách được đóng trong các túi còn nguyên niêm phong của Ban Làm phách cho Ban Chấm thi tự luận; bàn giao Phiếu TLTN được đóng trong các túi còn nguyên niêm phong của các Điểm thi cho Ban Chấm thi trắc nghiệm và thực hiện các công tác nghiệp vụ liên quan; nhận, bảo quản đầu phách được đóng trong các túi còn nguyên niêm phong từ Ban Làm phách sau khi việc chấm bài thi tự luận đã hoàn thành; quản lý các tài liệu liên quan tới bài thi tự luận và Phiếu TLTN. Lập biên bản xử lý điểm bài thi tự luận (nếu có); nhập và lên điểm thi, đối sánh kiểm tra, phân tích kết quả thi, phổ điểm các bài thi, môn thi thành phần theo quy định; quản lý dữ liệu kết quả thi và thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng thi phân công.

- Ban Thư ký Hội đồng thi chỉ được tiến hành công việc liên quan đến bài thi khi có mặt ít nhất từ hai thành viên của Ban trở lên.

- Trưởng ban Thư ký Hội đồng thi quyết định tổ chức thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn, chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban thư ký Hội đồng thi theo quy định của Quy chế thi trước Chủ tịch Hội đồng thi.

- Các Phó Trưởng ban và ủy viên Ban Thư ký Hội đồng thi chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công hoặc ủy nhiệm của Trưởng ban Thư ký Hội đồng thi.

### III. CÔNG TÁC RA ĐỀ, IN SAO VÀ BÀN GIAO ĐỀ THI

#### 1. Ban hành văn bản

- Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định thành lập Hội đồng Ra đề và in sao đề thi; Ban Vận chuyển và Bàn giao đề thi.

- Đề thi và hướng dẫn chấm thi khi chưa được công bố là bí mật Nhà nước theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

#### 2. Thành phần Hội đồng Ra đề và in sao đề thi

- Chủ tịch Hội đồng: lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Phó Chủ tịch Hội đồng: lãnh đạo các phòng của Sở Giáo dục và Đào tạo, lãnh đạo các phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện, thị xã; lãnh đạo các trường THCS, THPT.

- Ủy viên, thư ký, người làm nhiệm vụ về tin học - kỹ thuật: cán bộ, công chức, viên chức các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện, thị xã; giáo viên, nhân viên các trường THCS, THPT.

- Các cán bộ soạn thảo đề thi và phản biện đề thi là giáo viên các trường THCS, THPT, giảng viên các trường Đại học (nếu có). Mỗi môn thi có một Tổ ra đề thi gồm Trưởng môn đề thi và các cán bộ soạn thảo đề thi.

- Lực lượng bảo vệ: do Công an thành phố Hà Nội và Sở Giáo dục và Đào tạo điều động.

- Bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ do Sở Giáo dục và Đào tạo điều động.

- Thanh tra: do Thanh tra Sở điều động, trường hợp cần thiết Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra.

#### 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng ra đề thi

- Tổ chức soạn thảo, thẩm định, tinh chỉnh đề thi, hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm của đề chính thức và đề dự bị.

- In sao đề thi đúng quy định, đủ số lượng theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo thi và tuyển sinh; đóng gói, niêm phong, bảo quản đề thi và bàn giao đề thi gốc cho Ban Vận chuyển và Bàn giao đề thi/

- Bảo đảm tuyệt đối bí mật, an toàn đề thi, hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm trong khu vực ra đề thi từ lúc bắt đầu soạn thảo đề thi cho đến hết thời gian thi của môn cuối cùng của kỳ thi;

**4. Ban Vận chuyển và Bàn giao đề thi:** thực hiện nhiệm vụ nhận đề thi từ Hội đồng Ra đề và in sao đề thi, bảo quản, vận chuyển, phân phối đề thi đến các Điểm thi.

### III. MÔN THI, NGÀY THI, NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC THI

#### 1. Môn thi, ngày thi

Ngày	Buổi	Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ bắt đầu làm bài	Giờ thu bài
18/6/2022	Sáng	Ngữ văn	120 phút	8 giờ 00	10 giờ 00
	Chiều	Ngoại ngữ	60 phút	14 giờ 00	15 giờ 00
19/6/2022	Sáng	Toán	120 phút	8 giờ 00	10 giờ 00
20/6/2022 (Thi các môn chuyên)	Sáng	Ngữ văn, Toán, Tin học, Sinh học	150 phút	8 giờ 00	10 giờ 30
		Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn (môn thay thế)	120 phút	8 giờ 00	10 giờ 00
	Chiều	Vật lí, Lịch sử, Địa lí	150 phút	14 giờ 00	16 giờ 30
		Hoá học, Tiếng Anh	120 phút	14 giờ 00	16 giờ 00

## 2. Một số quy định về môn thi ngoại ngữ khi học sinh đăng ký dự thi vào các lớp chuyên ngữ

a) Các lớp chuyên ngữ gồm có chuyên Anh, chuyên Pháp, chuyên Trung, chuyên Nga được tổ chức tại 04 trường: THPT chuyên và THPT có lớp chuyên, cụ thể như sau:

- Lớp chuyên có tổ chức thi gồm:

+ 06 lớp chuyên Anh: THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam (02 lớp); THPT chuyên Nguyễn Huệ (02 lớp); THPT Chu Văn An (01 lớp); THPT Sơn Tây (01 lớp).

+ 02 lớp chuyên Pháp: THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam (01 lớp); THPT Chu Văn An (01 lớp)

- Lớp chuyên xét tuyển dựa vào kết quả của môn thi thay thế gồm:

+ 01 lớp chuyên Pháp hệ 3 năm tại Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ.

+ 02 lớp chuyên Nga: THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam (01 lớp); THPT chuyên Nguyễn Huệ (01 lớp)

+ 01 lớp chuyên Trung tại THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam.

b) Quy định về môn thi ngoại ngữ khi học sinh đăng ký dự thi vào các lớp chuyên ngữ:

- Lớp chuyên có tổ chức thi: NN thi và NN chuyên ngữ phải trùng nhau, trừ trường hợp học sinh thuộc nhóm Đức 2-7 (NN thi là tiếng Đức, NN chuyên ngữ là tiếng Anh/Pháp).

- Lớp chuyên xét tuyển dựa vào kết quả của môn thi thay thế: NN thi và NNTT chuyên ngữ phải trùng nhau, trừ trường hợp học sinh thuộc nhóm Đức 2-7 (NN thi là tiếng Đức, NNTT chuyên ngữ là tiếng Anh/Pháp/Đức/Nhật/Hàn).

c) Một số lưu ý khi đăng ký vào các lớp chuyên xét tuyển dựa vào kết quả môn thi thay thế:

- Lớp chuyên tiếng Pháp hệ 3 năm tại Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ:

+ Thi bằng tiếng Pháp: Ngoài chuyên Pháp, học sinh có thể đăng ký thêm môn chuyên khác không trùng buổi thi (*Ví dụ các môn chuyên: Lý, Hóa, Anh, Sử, Địa* – thi chiều 20/6/2022).

+ Thi bằng tiếng Anh: học sinh sẽ thi môn tiếng Anh (đề chuyên) vào buổi chiều 20/6/2022. Vì vậy học sinh có thể đăng ký thêm môn chuyên Anh cùng Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ và không được đăng ký thi thêm một môn chuyên bất kỳ nào vào buổi chiều 20/6/2022.

+ Thi bằng tiếng Đức/Nhật/Hàn: Môn Tiếng Đức, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn (*dùng để thi thay thế*) được tổ chức thi vào sáng 20/6/2022, vì vậy ngoài chuyên Pháp Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ, học sinh có thể đăng ký thêm môn chuyên khác không trùng buổi thi (*Ví dụ các môn chuyên: Lý, Hóa, Sử, Địa* – thi chiều 20/6/2022), trừ chuyên Anh.

- Lớp chuyên tiếng Trung, tiếng Nga

+ Là môn chuyên được xét tuyển dựa vào kết quả môn thi thay thế (NNTT chuyên ngữ) hoặc kết quả thi của môn chuyên Anh, chuyên Pháp (nếu học sinh đăng ký chuyên Trung, chuyên Nga cùng với chuyên Anh hoặc chuyên Pháp).

+ Học sinh phải đăng ký chuyên Trung, chuyên Nga trong Phiếu đăng ký NV dự tuyển vào lớp 10 THPT năm học 2022-2023 mới được xét tuyển.

+ Nếu học sinh đăng ký chuyên Anh hoặc chuyên Pháp đồng thời đăng ký xét tuyển chuyên Trung, chuyên Nga thì phải đăng ký theo trường THPT là NV1 của môn chuyên có thi. (*Chi tiết xem tại Phụ lục VII*)

### 3. Nội dung đề thi

- Nội dung đề thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập không chuyên dựa theo yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục cấp THCS hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT cấp THCS, THPT ứng phó dịch Covid-19 năm học 2021-2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Công văn số 4040/BGDĐT-GDTrH ngày 16/9/2021 và của Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Công văn số 3313/SGDĐT-GDPT ngày 20/9/2021; nội dung chủ yếu thuộc chương trình lớp 9 THCS, đảm bảo các cấp độ nhận thức: nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cấp độ cao.

- Nội dung đề thi môn chuyên gồm các câu hỏi theo yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục cấp THCS hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ yếu nằm trong chương trình lớp 9 THCS, đảm bảo các cấp độ nhận thức: thông hiểu, vận dụng và vận dụng cấp độ cao.

### 4. Hình thức thi

- Các môn không chuyên:

+ Môn Ngữ Văn, Toán thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài là 120 phút.

+ Môn Ngoại ngữ thi theo hình thức trắc nghiệm khách quan, thời gian làm bài là 60 phút; có nhiều mã đề thi trong một phòng thi đảm bảo nguyên tắc: 02 học sinh sinh liền kề không trùng mã đề; học sinh làm bài thi trên Phiếu trả lời trắc nghiệm; kết quả bài thi của học sinh trên Phiếu trả lời trắc nghiệm được chấm bằng phần mềm máy tính.

- Các môn chuyên thi theo hình thức tự luận, riêng môn Ngoại ngữ chuyên thi kết hợp giữa tự luận và trắc nghiệm trên cùng một bài thi để đánh giá kỹ năng nghe, đọc, viết.

#### **IV. TỔ CHỨC COI THI**

##### **1. Ban coi thi**

a) Thành phần: Trưởng ban do lãnh đạo Hội đồng thi kiêm nhiệm; Phó Trưởng ban thường trực là lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc lãnh đạo phòng Quản lý thi, các Phó Trưởng ban khác là lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, lãnh đạo một số phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và lãnh đạo trường THCS, THPT; các ủy viên, thư ký là lãnh đạo, chuyên viên các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, lãnh đạo và giáo viên trường THCS, THPT.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Coi thi:

- Trưởng ban Coi thi chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng thi về công tác coi thi; có nhiệm vụ điều hành toàn bộ công tác coi thi tại Hội đồng thi, quyết định giờ phát túi đề thi còn nguyên niêm phong cho cán bộ coi thi, quyết định xử lý các tình huống xảy ra trong các buổi thi;

- Phó Trưởng ban Coi thi, ủy viên và thư ký chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công hoặc ủy nhiệm của Trưởng ban Coi thi.

- Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ số lượng học sinh đăng ký dự thi tại Hội đồng thi và điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ để quyết định thành lập các Điểm thi đặt tại trường phổ thông và các cơ sở giáo dục khác đáp ứng được các yêu cầu tổ chức thi.

##### **2. Điểm thi**

- Mỗi trường THPT công lập là một đơn vị tuyển sinh. Căn cứ vào số học sinh đăng ký dự tuyển vào trường và cơ sở vật chất của trường, nhà trường chủ động phối hợp với phòng Giáo dục và Đào tạo và các CSGD trên địa bàn để lựa chọn, đề xuất tổ chức một hay nhiều Điểm coi thi (gọi tắt là Điểm thi). Sở Giáo dục và Đào tạo duyệt và ra quyết định thành lập các Điểm thi.

- Mỗi Điểm thi phải đảm bảo yêu cầu quy định về an ninh và cơ sở vật chất. Phòng bảo quản đề thi và bài thi tại Điểm thi phải có camera an ninh giám sát, ghi hình các hoạt động tại phòng 24 giờ/ngày và đảm bảo các điều kiện khác theo đúng Quy chế thi.

### 3. Thành phần Điểm thi

- Điểm thi được thành lập theo Quyết định của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo. Mọi thành viên tại Điểm thi phải có tên trong Quyết định.

- Trưởng Điểm thi là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng trường THPT.

- Mỗi Điểm thi có từ 02 (hai) đến 03 (ba) Phó Trưởng Điểm thi và có ít nhất 02 (hai) Thư ký, trong đó có 01 (một) Phó Trưởng Điểm thi phụ trách cơ sở vật chất là lãnh đạo hoặc Tổ trưởng tại nơi đặt Điểm thi.

- Cán bộ coi thi: khoảng 50% là giáo viên THCS và 50% là giáo viên THPT.

- Cán bộ giám sát: là cán bộ, giáo viên trường THPT, có kinh nghiệm trong công tác tổ chức thi, có trách nhiệm cao và nắm vững Quy chế thi. Mỗi cán bộ giám sát phòng thi thực hiện giám sát không quá 03 (ba) phòng thi trong cùng một dãy phòng thi.

- Thanh tra: do Thanh tra Sở điều động, trường hợp cần thiết Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra.

Ngoài ra tại mỗi Điểm thi còn có trật tự viên, công an, nhân viên y tế, phục vụ làm nhiệm vụ theo Quyết định.

**4. Tổ chức thực hiện:** Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ có văn bản hướng dẫn riêng về nghiệp vụ coi thi.

## VI. TỔ CHỨC CHẤM THI

### 1. Ban Làm phách

a) Thành phần: Trưởng ban do lãnh đạo hoặc ủy viên Hội đồng thi kiêm nhiệm; Phó Trưởng ban là lãnh đạo phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, lãnh đạo trường THCS, THPT; Ủy viên là công chức, viên chức các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, lãnh đạo, giáo viên, nhân viên trường THCS, THPT, trung tâm GDNN-GDTX, bảo vệ, công an, y tế, phục vụ.

b) Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Làm phách: Nhận bài thi tự luận được đóng trong các túi còn nguyên niêm phong của các Điểm thi từ Ban Thư ký Hội đồng thi; làm phách, bảo mật số phách bài thi tự luận; niêm phong và bảo quản đầu phách theo chế độ mật trong suốt thời gian chấm thi, cho đến khi hoàn thành chấm bài thi tự luận; bàn giao bài thi đã làm phách được đóng trong túi còn nguyên niêm phong của Ban Làm phách cho Ban Thư ký Hội đồng thi; bàn giao đầu phách được đóng trong túi còn nguyên niêm phong của Ban Làm phách cho Ban Thư ký Hội đồng thi sau khi việc chấm bài thi tự luận đã hoàn thành. Việc làm phách để phúc khảo bài thi tự luận được Ban Làm phách thực hiện như việc làm phách bài thi tự luận để chấm thi.

## 2. Ban Chấm thi

a) Toàn Thành phố thành lập hai Ban Chấm thi: Ban Chấm thi bài thi tự luận và Ban chấm thi bài thi trắc nghiệm khách quan.

b) Địa điểm đặt Ban chấm thi phải đảm bảo yêu cầu quy định về an ninh và cơ sở vật chất. Phòng chứa bài thi, phòng chấm bài thi trắc nghiệm, tự luận phải có camera an ninh giám sát, ghi hình các hoạt động 24 giờ/ngày và đảm bảo các điều kiện khác theo đúng Quy chế thi.

## 3. Thành phần Ban Chấm thi

a) Ban Chấm thi được thành lập theo Quyết định của Sở Giáo dục và Đào tạo, mọi thành viên làm việc tại Ban Chấm thi đều phải có tên trong Quyết định.

b) Cán bộ chấm thi: khoảng 50% là giáo viên THCS, 50% là giáo viên THPT. Các phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường THPT phải cử đúng thành phần và số lượng giáo viên tham gia chấm thi theo yêu cầu của Sở Giáo dục và Đào tạo.

c) Thanh tra: do Thanh tra Sở điều động, trường hợp cần thiết Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra.

Ngoài ra tại mỗi Ban Chấm thi theo môn hoặc nhóm môn còn có trật tự viên, công an, nhân viên y tế, cán bộ kỹ thuật, phục vụ làm nhiệm vụ theo Quyết định.

**4. Tổ chức thực hiện:** Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ có văn bản hướng dẫn riêng về nghiệp vụ làm phách và chấm thi.

## VII. GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

### 1. Khiếu nại, tố cáo trong kỳ thi:

a) Trường hợp phản ánh vi phạm Quy chế thi: Hội đồng thi hướng dẫn, xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền.

b) Trường hợp khiếu nại về công tác tổ chức thi, hồ sơ và điểm bài thi: giải quyết theo Quy chế thi.

c) Trường hợp tố cáo vi phạm quy chế thi: Hội đồng thi tổ chức xác minh hoặc đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xác minh, xử lý theo Quy chế thi và quy định của Luật tố cáo.

**2. Việc xác minh, giải quyết khiếu nại, tố cáo về kỳ thi sau khi Hội đồng thi giải thể:** được giải quyết theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo.

**3. Các khiếu nại khác:** Thủ trưởng CSGD giải quyết tại CSGD./.



## Phụ lục V

# **CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN, THỦ TỤC NHẬP HỌC, CHUYỂN TRƯỜNG**

(Kèm theo Công văn số 944/SGDDĐT-QLT ngày 12/4/2022  
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

## **I. CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN**

1. Căn cứ chỉ tiêu được giao, phổ điểm và dự kiến điểm chuẩn do Sở Giáo dục và Đào tạo cấp, trường THPT công lập đề xuất điểm chuẩn, Sở Giáo dục và Đào tạo duyệt điểm chuẩn cho từng trường. ĐXT do Sở Giáo dục và Đào tạo công bố là căn cứ duy nhất để xác định điểm chuẩn, các trường không được đưa ra bất cứ một loại điểm và điều kiện nào khác để xét tuyển.

- Tất cả các trường THPT và các trung tâm GDNN-GDTX, CSGD nghề nghiệp có tuyển học sinh tốt nghiệp THCS đều tổ chức cho học sinh xác nhận nhập học cùng một khung thời gian và được chia thành 2 đợt:

+ Đợt 1 (3 ngày): học sinh chưa phải nộp hồ sơ nhưng phải thực hiện thủ tục xác nhận nhập học và in Giấy xác nhận nhập học để kèm cùng hồ sơ học sinh khi nộp hồ sơ nhập học.

✓ Đối với trường THPT công lập: học sinh có thể xác nhận nhập học theo hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp.

✓ Đối với trường THPT công lập TCTC, ngoài công lập, trung tâm GDNN-GDTX: học sinh chỉ xác nhận nhập học bằng hình thức trực tiếp.

*Trong thời gian xác nhận nhập học, nếu học sinh có NV và tự nguyện nộp hồ sơ nhập học thì các trường tạo điều kiện tiếp nhận hồ sơ nhập học của học sinh theo đúng quy định.*

+ Đợt 2: học sinh đã xác nhận nhập học ở đợt 1 và học sinh được tuyển bổ sung (sau hạ Điểm chuẩn, Phúc khảo) sẽ nộp hồ sơ nhập học tại trường trúng tuyển.

- Trong thời gian tuyển sinh, nhà trường phải chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, nhân lực để hướng dẫn, hỗ trợ học sinh thực hiện thủ tục xác nhận nhập học theo hình thức trực tuyến và trực tiếp (đối với trường THPT công lập) và trực tiếp (đối với trường THPT công lập TCTC, ngoài công lập, trung tâm GDNN-GDTX, CSGD nghề nghiệp có tuyển học sinh tốt nghiệp THCS).

- Trường hợp hạ điểm chuẩn: các trường THPT phải niêm yết công khai số lượng học sinh đã tuyển, số còn thiếu so với chỉ tiêu, điểm chuẩn mới và thời hạn nhận hồ sơ nhập học theo quy định. Khi hạ điểm chuẩn nhà trường được nhận học sinh có NV2, NV3 đủ điều kiện trúng tuyển. Học sinh trúng tuyển NV2 phải có ĐXT cao hơn điểm chuẩn của trường ít nhất 1,0 điểm; học sinh

trúng tuyển NV3 phải có ĐXT cao hơn điểm chuẩn của trường ít nhất 2,0 điểm.

- Học sinh đã trúng tuyển NV1 không được xét tuyển NV2 và NV3; học sinh không trúng tuyển NV1 được xét tuyển NV2; học sinh không trúng tuyển NV1 và NV2 được xét tuyển NV3.

2. Danh sách học sinh dự tuyển, ĐXT, điểm chuẩn được công bố công khai tại từng trường THPT;

3. Chỉ những học sinh đúng đối tượng và độ tuổi quy định, đủ hồ sơ hợp lệ, đạt điểm chuẩn mới được đưa vào Danh sách trúng tuyển;

4. Các trường thực hiện nghiêm túc lịch tuyển sinh, sau khi kết thúc thời hạn tuyển sinh các trường nộp báo cáo (*theo mẫu M11*) và Danh sách học sinh trúng tuyển về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Phòng Quản lý thi và Kiểm định chất lượng giáo dục) để duyệt. Riêng đối với trường THPT công lập TCTC, THPT ngoài công lập, trung tâm GDNN-GDTX và các CSGD nghề nghiệp nộp Danh sách học sinh trúng tuyển kèm theo Biên bản xét duyệt học sinh trúng tuyển của Hội đồng tuyển sinh nhà trường.

## II. NHẬP HỌC

1. Thời gian nhập học, thủ tục nhận hồ sơ sẽ được công bố công khai tại từng trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX. Tất cả các trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX, CSGD nghề nghiệp có tuyển học sinh tốt nghiệp THCS nhận hồ sơ nhập học theo khung thời gian quy định;

2. Học sinh đủ điểm chuẩn, đủ điều kiện tuyển sinh, đã làm thủ tục xác nhận nhập học hoặc trúng tuyển bổ sung phải nộp đầy đủ hồ sơ nhập học (*Phụ lục II, mục III.3*) và Giấy xác nhận nhập học tại trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX, CSGD nghề nghiệp có tuyển học sinh tốt nghiệp THCS đúng thời gian quy định. Nếu quá thời hạn quy định, nhà trường không được ghi tên học sinh vào danh sách trúng tuyển;

3. Các trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX, CSGD nghề nghiệp có tuyển học sinh tốt nghiệp THCS phải kiểm tra hồ sơ của học sinh nếu đầy đủ và hợp lệ mới được nhận. Đối với các trường THPT công lập, những học sinh hoặc bố (mẹ) học sinh đã hoàn thành thủ tục nhập hộ khẩu thường trú, có giấy hẹn nhận kết quả của công an quận, huyện, thị xã, phải nộp Sổ hộ khẩu (bản chứng thực) hoặc Giấy xác nhận thông tin về cư trú<sup>4</sup> trong đó học sinh hoặc bố, mẹ của học sinh được xác nhận Nơi thường trú tại Hà Nội ngay sau khi có kết quả, nếu không học sinh sẽ bị loại khỏi Danh sách trúng tuyển;

Khi tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh của học sinh, cán bộ tuyển sinh phải kiểm tra kỹ hồ sơ, đặc biệt phải kiểm tra sự trùng khớp của các thông tin về cá nhân

<sup>4</sup> Mẫu CT07 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an. Kèm theo Phụ lục XII hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính xác nhận thông tin về cư trú của Bộ Công an.

học sinh như: họ tên, ngày sinh, nơi sinh...trong Giấy khai sinh, Sổ hộ khẩu, Học bạ THCS, Giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời, Phiếu báo điểm thi tuyển sinh, dữ liệu từ sổ điểm điện tử (nếu có), nếu thấy trùng khớp cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải ghi vào mặt sau của Bản sao Giấy khai sinh: “Đã kiểm tra khớp với bản chính khai sinh và hộ khẩu” sau đó ký và ghi rõ họ tên, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ký và đóng dấu xác nhận. Bản sao Giấy khai sinh có xác nhận này sẽ là căn cứ để ghi vào hồ sơ học tập, cấp văn bằng chứng chỉ cho học sinh sau này. Cán bộ tuyển sinh và Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh phải chịu trách nhiệm về việc kiểm tra và xác nhận trên;

4. Các trường không được thu bất cứ khoản đóng góp nào của học sinh hoặc cha mẹ học sinh kể cả bán hồ sơ nhập học cho học sinh. Đối với các trường ngoài công lập phải công khai mức học phí và các khoản thu của cả năm học tại địa điểm tuyển sinh.

Trong thời gian tuyển sinh, hàng ngày các trường phải theo dõi, quản lý và cập nhật danh sách học sinh đã xác nhận nhập học vào trường đầy đủ, chính xác, có chữ ký của học sinh hoặc cha mẹ học sinh nếu xác nhận nhập học trực tiếp; cập nhật danh sách học sinh trúng tuyển đã nhập học vào hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Thành phố chậm nhất 19h00 hàng ngày. Ngay sau khi kết thúc đợt tuyển sinh, các trường THPT nộp báo cáo nhanh và bản sao Danh sách học sinh đã nộp hồ sơ (*theo mẫu M12*), công văn đề nghị tuyển bổ sung (nếu tuyển chưa đủ chỉ tiêu); tuyệt đối không được nhận học sinh chưa có đủ hồ sơ hợp lệ hoặc nhận vượt quá số lượng được giao;

5. Các trường THPT không được tổ chức kiểm tra để phân ban, chia lớp. Việc phân chia học sinh vào các lớp phải đảm bảo sĩ số theo quy định của Điều lệ nhà trường, tuyệt đối không để sĩ số giữa các lớp chênh lệch nhau quá lớn.

### **III. CHUYỂN TRƯỜNG**

Học sinh đã trúng tuyển vào trường THPT công lập phải học ổn định hết cấp học tại trường THPT đó. Trường hợp đặc biệt phát sinh trong quá trình học tập cần chuyển trường, phải được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo cho phép./.

## Phụ lục VI

### ĐIỀU KIỆN HỌC SINH ĐĂNG KÝ HỌC NGOẠI NGỮ Ở CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Công văn số 944/SGDDĐT-QLT ngày 12/4/2022  
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Học sinh chọn ngoại ngữ học tại cấp THPT	Điều kiện học sinh học Ngoại ngữ ở cấp THCS	Trường THPT áp dụng
1	Tiếng Anh	Ngoại ngữ 1 hoặc ngoại ngữ 2 là tiếng Anh	Tất cả các trường THPT
2	Tiếng Nhật là ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 1 hoặc ngoại ngữ 2 là tiếng Nhật (học đủ 4 năm ở cấp THCS, được thể hiện trong Học bạ THCS)	THPT Chu Văn An, THPT Kim Liên, THPT Việt Đức
3	Tiếng Pháp song ngữ	Là học sinh học chương trình Tiếng Pháp song ngữ: - Học lực, Hạnh kiểm cả năm các lớp THCS từ khá trở lên - Xếp loại tốt nghiệp THCS đạt loại Khá trở lên - Xếp loại công nhận tốt nghiệp Chương trình song ngữ tiếng Pháp cấp THCS từ loại Khá trở lên	THPT chuyên HN-Ams, THPT Chu Văn An
4	Tiếng Pháp tăng cường (Không học các môn Khoa học bằng tiếng Pháp)	Là học sinh học chương trình Tiếng Pháp song ngữ: - Học lực, Hạnh kiểm cả năm các lớp THCS từ trung bình trở lên - Xếp loại tốt nghiệp THCS đạt loại Trung bình trở lên - Xếp loại công nhận tốt nghiệp Chương trình song ngữ tiếng Pháp cấp THCS từ loại Trung bình trở lên	THPT Việt Đức
5	Tiếng Pháp hệ 3 năm	Một trong các ngoại ngữ đã học là: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Hàn	THPT Sơn Tây (hệ không chuyên)
6	Tiếng Đức hệ 7 năm (NN1: Tiếng Anh NN2: Tiếng Đức)	Học sinh đảm bảo đủ các điều kiện sau: - Học tiếng Anh ở cấp THCS - Học Tiếng Đức đủ 4 năm ở cấp THCS - Có chứng chỉ tiếng Đức đạt A2 trở lên theo khung tham chiếu châu Âu.	THPT Việt Đức (Nhóm học sinh đủ điều kiện và đăng ký học theo chương trình này gọi chung là nhóm Đức 2-7)

7	<p style="text-align: center;"><b>Tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Hàn chương trình 3 năm</b></p> <p>NN1: tiếng Anh; NN2: tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Hàn (<i>chương trình 3 năm</i>)</p>	<p>Một trong các ngoại ngữ đã học là: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Hàn</p> <p><i>(Học sinh chỉ đăng ký sau khi trúng tuyển vào trường THPT theo điểm chuẩn lớp tiếng Anh).</i></p>	<p>- 06 trường THPT công lập và tổ chức dạy tiếng Nhật chương trình 3 năm: Phan Đình Phùng, Việt Đức, Thăng Long, Đoàn Kết-HBT, Nguyễn Gia Thiều, Phan Huy Chú-Đống Đa và một số trường THPT ngoài công lập như: TH,THCS&amp;THPT Thực nghiệm Khoa học Giáo dục, THCS&amp;THPT Nguyễn Bình Khiêm-Cầu Giấy, THPT Hoàng Long, THPT Đoàn Thị Điểm, THPT Tây Hà Nội...</p> <p>- 01 trường THPT công lập tổ chức dạy tiếng Đức chương trình 3 năm: THPT Việt Đức; và 01 trường THPT ngoài công lập: THCS&amp;THPT M.V.Lô-mô-nô-xốp.</p> <p>- 02 trường THPT công lập, tổ chức dạy tiếng Hàn chương trình 3 năm: THPT Việt Đức, THPT Nguyễn Gia Thiều và một số trường THPT ngoài công lập như: THPT Hoàng Long, THCS&amp;THPT Alfred Nobel...</p>
---	--	---	--

## Phu lục VII

# QUY ĐỊNH VỀ NGOẠI NGỮ THI, NGOẠI NGỮ CHUYÊN NGỮ VÀ NGOẠI NGỮ THAY THẾ CHUYÊN NGỮ ĐỐI VỚI HỌC SINH CÓ DỰ THI CÁC MÔN CHUYÊN NGOẠI NGỮ

(Kèm theo Công văn số 944/SGDDĐT-QLT ngày 12/4/2022  
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Học sinh chọn lớp chuyên ngữ	Trường THPT có lớp chuyên ngữ	Ngoại ngữ dự thi vào lớp chuyên ngữ		Ngoại ngữ thi (Ngoại ngữ điều kiện chuyên, thi sáng 18/6/2022)	Ghi chú	
			Ngoại ngữ chuyên ngữ	Ngoại ngữ thay thế chuyên ngữ			
1	Chuyên Anh	Tất cả các trường chuyên	Tiếng Anh		Tiếng Anh		
					Tiếng Đức (Đối với nhóm Đức 2-7)		
2		THPT chuyên HN-Ams, THPT Chu Văn An	Tiếng Pháp		Tiếng Pháp		
					Tiếng Đức (Đối với nhóm Đức 2-7)		
3	Chuyên Pháp	THPT chuyên Nguyễn Huệ	Tiếng Pháp		Tiếng Pháp hoặc tiếng Đức (đối với nhóm Đức 2-7)	Ngoài chuyên Pháp, học sinh được đăng ký các môn chuyên thi chiều 20/6/2022	
					Tiếng Anh hoặc tiếng Đức (đối với nhóm Đức 2-7)	Ngoài chuyên Pháp, học sinh chỉ được đăng ký chuyên Anh trường chuyên Nguyễn Huệ	
					Tiếng Đức	Tiếng Đức	Ngoài chuyên Pháp, học sinh được đăng ký các môn chuyên thi chiều 20/6/2022 (trừ chuyên Anh)
					Tiếng Nhật	Tiếng Nhật hoặc tiếng Đức (đối với nhóm Đức 2-7)	Ngoài chuyên Pháp, học sinh được đăng ký các môn chuyên thi chiều 20/6/2022 (trừ chuyên Anh)
					Tiếng Hàn	Tiếng Hàn hoặc tiếng Đức (đối với nhóm Đức 2-7)	Ngoài chuyên Pháp, học sinh được đăng ký các môn chuyên thi chiều 20/6/2022 (trừ chuyên Anh)
4	Chuyên Trung	THPT chuyên HN-Ams	Tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Hàn	Tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Hàn (Riêng nhóm Đức 2-7 là Tiếng Đức)	Nếu học sinh đăng ký Chuyên Trung xét tuyển dựa vào kết quả của môn chuyên ngữ thi môn chuyên ngữ phải có NV1 là chuyên HN-Ams		
5	Chuyên Nga	THPT chuyên HN-Ams, THPT chuyên Nguyễn Huệ	Tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Hàn	Tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Hàn (Riêng nhóm Đức 2-7 là Tiếng Đức)	Nếu học sinh đăng ký Chuyên Nga xét tuyển dựa vào kết quả của môn chuyên ngữ thi môn chuyên ngữ phải có NV1 là chuyên HN-Ams hoặc chuyên Nguyễn Huệ		

### Phụ lục VIII

## **DANH SÁCH CÁC CUỘC THI DO BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỔ CHỨC HOẶC PHỐI HỢP TỔ CHỨC CHO HỌC SINH CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

(Kèm theo Công văn số 944/SGDDĐT-QLT ngày 12/4/2022  
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tên cuộc thi	Đơn vị chủ trì	Năm triển khai
1	Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp (SV. STARTUP)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Từ 2018
2	Tuổi trẻ học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Từ 2014
3	An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai	Bộ Công An và Ủy ban An toàn giao thông quốc gia	Từ 2017
4	Giao thông học đường	Ủy ban An toàn giao thông quốc gia	Từ 2013
5	Viết thư quốc tế UPU	Bộ Thông tin và Truyền thông	Từ 1971
6	Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh THCS và THPT	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Từ 2012
7	Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc (gồm các môn thể thao được dạy trong trường học, được tổ chức 4 năm/lần)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Từ 1982

#### **Ghi chú:**

- Học sinh đạt giải cấp quốc gia trong các cuộc thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc phối hợp tổ chức phải vượt qua vòng thi cấp cơ sở (cấp trường, cấp phòng Giáo dục và Đào tạo) và được Sở Giáo dục và Đào tạo chọn cử tham dự.

- Học sinh đạt giải cấp quốc gia trong các cuộc thi về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức phải được Sở Giáo dục và Đào tạo chọn cử tham dự.

- Học sinh đạt giải trong các cuộc thi khu vực và quốc tế phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Giáo dục và Đào tạo chọn cử tham dự.

- Đối với cuộc thi “An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai”: chỉ áp dụng đối với học sinh đạt giải cấp quốc gia trước năm học 2020-2021 và được Sở Giáo dục và Đào tạo chọn cử tham dự (theo quy định tại Công văn số 5521/BGDĐT-GDTrH ngày 21/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai cuộc thi “An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai” dành cho học sinh và giáo viên trung học năm học 2020-2021./).

### Phụ lục IX

## **BẢNG QUY ĐỊNH VIẾT TẮT TRÊN PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2022-2023**

*(Kèm theo Công văn số 944/SGDDĐT-QLT ngày 12/4/2022  
của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

<b>TT</b>	<b>Đối tượng/Diện chính sách</b>	<b>Ký hiệu viết tắt</b>
1	Con liệt sĩ	<b>L</b>
2	Con thương binh, bệnh binh mất sức lao động $\geq 81\%$	<b>N</b>
3	Con thương binh, bệnh binh mất sức $< 81\%$	<b>B</b>
4	Đăng ký thi vào lớp song bằng tú tài	<b>2HC</b>
5	Đăng ký thi vào lớp song ngữ tiếng Pháp	<b>2FL</b>
6	Đăng ký học tiếng Đức ngoại ngữ 2 hệ 7 năm (có chứng chỉ A2 trở lên)	<b>A2</b>
7	Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	<b>C</b>
8	Đạt giải văn nghệ, thể dục thể thao cấp tỉnh/thành phố	Nhất: <b>VT1</b> ; Nhì: <b>VT2</b> Ba: <b>VT3</b> ; Khuyến khích: <b>VT4</b>
9	Đạt giải văn hóa, khoa học kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố	Nhất: <b>VH1</b> ; Nhì: <b>VH2</b> Ba: <b>VH3</b> ; Khuyến khích: <b>VH4</b>
10	Con Anh hùng LLVT, Anh hùng LĐ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng	<b>A</b>
11	Là người dân tộc	<b>D</b>
12	Hiện sống và học tập ở vùng KT - XH khó khăn	<b>VKK</b>
13	Giải quốc tế về văn hóa, khoa học kỹ thuật	<b>GQH</b>
14	Giải quốc tế về văn nghệ thể dục thể thao	<b>GQT</b>
15	Đạt giải văn nghệ, thể dục thể thao cấp quốc gia	Nhất: <b>GT1</b> ; Nhì: <b>GT2</b> Ba: <b>GT3</b> ; Khuyến khích: <b>GT4</b>
16	Đạt giải văn hóa, khoa học kỹ thuật cấp quốc gia	Nhất: <b>GH1</b> ; Nhì: <b>GH2</b> Ba: <b>GH3</b> ; Khuyến khích: <b>GH4</b>



**Phụ lục X**

**DANH MỤC MÃ SỐ CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2022-2023**

(Dùng để đăng ký nguyện vọng dự tuyển theo khu vực tuyển sinh)

(Kèm theo Công văn số 944/SGDDĐT-QLT ngày 12/4/2022  
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Trường THPT	Mã trường	Ghi chú
<b>KVTS 1: Ba Đình, Tây Hồ</b>			
1	Nguyễn Trãi-Ba Đình	0101	
2	Phạm Hồng Thái	0102	
3	Phan Đình Phùng	0103	N2
4	Chu Văn An	2401	TPSN, Đ2, N1
5	Tây Hồ	2402	
<b>KVTS 2: Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm</b>			
1	Đoàn Kết-Hai Bà Trưng	1101	N2
2	Thăng Long	1102	N2
3	Trần Nhân Tông	1103	
4	Trần Phú-Hoàn Kiếm	1301	
5	Việt Đức	1302	N1, N2, H2, Đ2, TC
<b>KVTS 3: Cầu Giấy, Đống Đa, Thanh Xuân</b>			
1	Chuyên Hà Nội-Amsterdam	0401	TPSN
2	Cầu Giấy	0402	
3	Yên Hòa	0403	
4	Đống Đa	0801	
5	Kim Liên	0802	N1
6	Lê Quý Đôn-Đống Đa	0803	
7	Quang Trung-Đống Đa	0804	
8	Nhân Chính	2801	
9	Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân	2802	
10	Khuông Đình	2803	
11	Khuông Đình	2804	
<b>KVTS 4: Hoàng Mai, Thanh Trì</b>			
1	Hoàng Văn Thụ	1401	
2	Trương Định	1402	
3	Việt Nam-Ba Lan	1403	
4	Ngọc Hồi	2701	
5	Ngô Thị Nhậm	2702	

TT	Trường THPT	Mã trường	Ghi chú
6	Đông Mỹ	2703	
7	Nguyễn Quốc Trinh	2704	
<b>KVTS 5: Gia Lâm, Long Biên</b>			
1	Cao Bá Quát-Gia Lâm	0901	
2	Dương Xá	0902	
3	Nguyễn Văn Cừ	0903	
4	Yên Viên	0904	
5	Lý Thường Kiệt	1501	
6	Nguyễn Gia Thiều	1502	N2, H2
7	Phúc Lợi	1503	
8	Thạch Bàn	1504	
<b>KVTS 6: Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn</b>			
1	Bắc Thăng Long	0701	
2	Cổ Loa	0702	
3	Đông Anh	0703	
4	Liên Hà	0704	
5	Vân Nội	0705	
6	Mê Linh	1601	
7	Quang Minh	1602	
8	Tiền Phong	1603	
9	Tiến Thịnh	1604	
10	Tự Lập	1605	
11	Yên Lãng	1606	
12	Đa Phúc	2201	
13	Kim Anh	2202	
14	Minh Phú	2203	
15	Sóc Sơn	2204	
16	Trung Giã	2205	
17	Xuân Giang	2206	

TT	Trường	Mã trường	Ghi chú
<b>KVTS 7: Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Đan Phượng, Hoài Đức</b>			
1	Nguyễn Thị Thị Minh Khai	0301	
2	Thượng Cát	0302	
3	Xuân Đình	0303	
4	Đại Mỗ	1801	
5	Trung Văn	1802	
6	Xuân Phương	1803	
7	Mỹ Đình	1804	
8	Đan Phượng	0601	
9	Hồng Thái	0602	
10	Tân Lập	0603	
11	Hoài Đức A	1201	
12	Hoài Đức B	1202	
13	Vạn Xuân-Hoài Đức	1203	
14	Hoài Đức C	1204	
<b>KVTS 8: Ba Vì, Phúc Thọ, Sơn Tây</b>			
1	Ba Vì	0201	
2	Bát Bạt	0202	
3	Minh Quang	0203	
4	Ngô Quyền-Ba Vì	0204	
5	Quảng Oai	0205	
6	PT Dân Tộc Nội trú	0206	
7	Ngọc Tảo	2001	
8	Phúc Thọ	2002	
9	Vân Cốc	2003	
10	Sơn Tây	2301	P3
11	Tùng Thiện	2302	
12	Xuân Khanh	2303	
<b>KVTS 9: Quốc Oai, Thạch Thất</b>			
1	Cao Bá Quát-Quốc Oai	2101	
2	Minh Khai	2102	
3	Quốc Oai	2103	
4	Phan Huy Chú-Quốc Oai	2104	
5	Bắc Lương Sơn	2501	
6	Hai Bà Trưng-Thạch Thất	2502	
7	Phùng Khắc Khoan	2503	

TT	Trường	Mã trường	Ghi chú
8	Thạch Thất	2504	
9	Minh Hà	2505	
<b>KVTS 10: Chương Mỹ, Hà Đông, Thanh Oai</b>			
1	Chúc Động	0501	
2	Chương Mỹ A	0502	
3	Chương Mỹ B	0503	
4	Xuân Mai	0504	
5	Nguyễn Văn Trỗi	0505	
6	Chuyên Nguyễn Huệ	1001	Chuyên P3
7	Lê Quý Đôn-Hà Đông	1003	
8	Quang Trung-Hà Đông	1004	
9	Trần Hưng Đạo-Hà Đông	1005	
10	Nguyễn Du-Thanh Oai	2601	
11	Thanh Oai A	2602	
12	Thanh Oai B	2603	
<b>KVTS 11: Phú Xuyên, Thường Tín</b>			
1	Đồng Quan	1901	
2	Phú Xuyên A	1902	
3	Phú Xuyên B	1903	
4	Tân Dân	1904	
5	Lý Tử Tấn	2901	
6	Nguyễn Trãi-Thường Tín	2902	
7	Tô Hiệu-Thường Tín	2903	
8	Thường Tín	2904	
9	Vân Tảo	2905	
<b>KVTS 12: Mỹ Đức, Ứng Hòa</b>			
1	Hợp Thanh	1701	
2	Mỹ Đức A	1702	
3	Mỹ Đức B	1703	
4	Mỹ Đức C	1704	
5	Đại Cường	3001	
6	Lưu Hoàng	3002	
7	Trần Đăng Ninh	3003	
8	Ứng Hòa A	3004	
9	Ứng Hòa B	3005	

Ký hiệu viết tắt cột "Ghi chú": **TPSN**: Tiếng Pháp song ngữ; **P3**: Pháp 3 năm; **N1**: Tiếng Nhật (NN1); **N2**: Tiếng Nhật (NN2); **Đ2**: Tiếng Đức (NN2); **H2**: Tiếng Hàn (NN2); **TC**: Tăng cường Tiếng Pháp./.

**Phu lục XI**

**CÁC MẪU BIỂU  
PHỤC VỤ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Công văn số 944/SGDDĐT-QLT ngày 12/4/2022  
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Mẫu M01

**PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2022-2023**

(Trước khi kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển (DKDT), thí sinh đọc kỹ các mục và HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU,  
những điểm chưa rõ thì sinh hỏi cán bộ tiếp nhận DKDT để được hướng dẫn)

PHÒNG GDĐT:  TRƯỜNG THCS, TRUNG TÂM GDDN-GDTX:  Số phiếu:

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên thí sinh (Viết chữ in hoa có dấu): ..... 2. Lớp 9: .....
3. Giới tính (Nam hoặc Nữ): ..... 4. Dân tộc (Ghi bằng chữ): ..... 5. Hướng chính sách dân tộc:
6. Ngày tháng năm sinh: ...../...../..... 7. Nơi sinh (tỉnh hoặc thành phố): .....
8. Mã học sinh (Mã định danh trên CSDL ngành GDĐT do điểm tiếp nhận phiếu DKDT cấp):
9. Nơi thường trú: .....
10. Nơi ở hiện tại: .....
11. KVTS (theo hộ khẩu):  12. Điểm ưu tiên (Chỉ tính mức cao nhất):  13. Có chứng chỉ tiếng Đức A2 trở lên:
14. Kết quả học tập và rèn luyện cấp trung học cơ sở (THCS):

Lớp	6	7	8	9	Xếp loại TN THCS	Điểm trung bình cả năm lớp 9								
						Văn	Toán	Ngoại ngữ	Vật lý	Hóa học	Sinh	Sử	Địa	
Hạng kiểm														
Học lực														

15. Điện thoại liên hệ: ..... 16. Ghi chú: .....

**II. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 KHÔNG CHUYÊN TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG (THPT)**

17. Đăng ký Ngoại ngữ học tại trường THPT (Anh, Pháp, Đức, Nhật):
18. Đăng ký Ngoại ngữ thi (Môn thi chiều 18/6/2022, gồm: Anh, Pháp, Đức, Nhật, Hàn):   
(Thí sinh chỉ đăng ký dự tuyển vào lớp 10 chuyên cũng ghi vào ở đây)
19. Đăng ký KVTS:  20. Số lượng nguyện vọng:
- a) Nguyện vọng 1 (ghi tên trường THPT): ..... Mã trường THPT:
- b) Nguyện vọng 2 (ghi tên trường THPT): ..... Mã trường THPT:
- c) Nguyện vọng 3 (ghi tên trường THPT): ..... Mã trường THPT:

**III. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 CHUYÊN THPT**

21. Ngoại ngữ thi thay thế chuyên ngữ (Anh, Pháp, Đức, Nhật, Hàn):  22. Điểm sơ tuyển:
23. Nguyện vọng chuyên (TS điền vào bảng dưới đây):

	Thí vào lớp chuyên	DTB môn thi	Tên trường nguyện vọng 1	Tên trường nguyện vọng 2
Buổi sáng 20/6/2022				
Buổi chiều 20/6/2022				
Chuyên Tiếng Trung			Chuyên Hà Nội-Amsterdam	
Chuyên Tiếng Nga				

**IV. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 HỆ SONG BẢNG TỬ TÀI**

24. Nguyện vọng 1 (ghi tên trường THPT): ..... Mã trường THPT:
25. Nguyện vọng 2 (ghi tên trường THPT): ..... Mã trường THPT:

**V. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 TIẾNG PHÁP SONG NGỮ**

26. Điểm Pháp ngữ:
27. Nguyện vọng 1 (ghi tên trường THPT): ..... Mã trường THPT:
28. Nguyện vọng 2 (ghi tên trường THPT): ..... Mã trường THPT:
29. Nguyện vọng vào lớp tiếng Pháp tăng cường trường THPT Việt Đức (nếu đăng ký điền dấu X vào ô trống):

HIỆU TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CHA/MẸ/NGƯỜI GIÁM HỘ  
(Ký và ghi rõ họ tên)

THÍ SINH  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU  
PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2022-2023**

**Mục Phòng GDĐT, Trường THCS/Trung tâm GDNN-GDTX:** Ghi rõ tên phòng GDĐT quận/huyện/thị xã, trường THCS/Trung tâm GDNN-GDTX nơi thí sinh (TS) tốt nghiệp THCS. Nếu là TS tự do thì ghi "Tự do" tại mục trường THCS/trung tâm GDNN-GDTX.  
**Mục Số phiếu:** Nơi tiếp nhận Phiếu DKDT ghi theo thứ tự từ nhỏ đến lớn, TS không ghi mục này.

**PHẦN I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**Mục 1, 2, 3, 4:** Ghi theo hướng dẫn trên Phiếu DKDT. Nếu là TS tự do thì Mục 2 ghi tên lớp là: **9TD**  
**Mục 5:** Điền dấu "X" tại ô này nếu TS là người dân tộc hoặc bố hoặc mẹ là người dân tộc.  
**Mục 6:** Ghi đầy đủ ngày tháng năm sinh theo quy định: 02 chữ số của ngày, 02 chữ số của tháng, 04 chữ số của năm.  
*Ví dụ: 02/12/2007*  
**Mục 7:** Ghi rõ tên tỉnh hoặc thành phố. Nếu sinh ở nước ngoài, phải ghi rõ tên quốc gia (theo phiên âm tiếng Việt Nam). Ví dụ: Ô-xtrây-li-a, Liên bang Nga...

**Mục 8:** Ghi đầy đủ, chính xác Mã định danh trên cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành GDĐT do điểm tiếp nhận Phiếu DKDT hướng dẫn hoặc cung cấp cho TS.  
**Mục 9:** Ghi rõ tên xã/thôn, phường/xã, quận/huyện/thị xã, tỉnh/thành phố theo Sổ hộ khẩu hoặc Giấy xác nhận thông tin về cư trú (mẫu CT07 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an).  
*Ví dụ: Tổ 23, phường Trưng Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.*  
**Mục 10:** Ghi rõ địa chỉ nơi ở hiện tại.  
**Mục 11:** Điền khu vực tuyển sinh (KVTS) theo quy định. Xem thêm Bảng mã các trường THPT công lập tại Phụ lục IX để nắm rõ KVTS.  
**Mục 12:** Ghi tổng điểm ưu tiên, chỉ tính mức ưu tiên cao nhất.  
**Mục 13:** Điền dấu "X" tại ô này nếu TS có chứng chỉ tiếng Đức đạt từ A2 trở lên.  
**Mục 14, 15:** Điền đủ thông tin theo mẫu trên Phiếu DKDT.

**Mục 16. Ghi chú:** Ghi tất các đối tượng được công điểm ưu tiên, điểm số ưu tiên và các quy định khác theo hướng dẫn dưới đây:

<i>Con liệt sĩ</i>	<b>L</b>	<i>Con Anh hùng LLVT, Anh hùng LĐ, Bà mẹ VN anh hùng</i>	<b>A</b>
<i>Con thương binh, bệnh binh mất sức &gt; 81%</i>	<b>N</b>	<i>Là người dân tộc</i>	<b>D</b>
<i>Con thương binh, bệnh binh mất sức &lt; 81%</i>	<b>B</b>	<i>Hiện sống và học tập ở vùng KT - XH khó khăn</i>	<b>VKK</b>
<i>Đăng ký thi vào lớp song bằng tú tài</i>	<b>2HC</b>	<i>Đăng ký thi vào lớp trong ngữ ngữ Pháp</i>	<b>2FL</b>
<i>Đăng ký học tiếng Đức hệ 7 năm (có chứng chỉ A2 trở lên)</i>	<b>A2</b>	<i>Giải quốc tế về văn hóa, khoa học kỹ thuật thi ghi: GQH, về văn nghệ thể dục thể thao thi ghi: GOT</i>	
<i>Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học</i>	<b>C</b>	<i>Đạt giải văn nghệ, TDTT cấp quốc gia: Nhật (GT1), Nhi (GT2), Ba (GT3), Khuyến khích (GT4)</i>	
<i>Đạt giải văn nghệ, thể dục thể thao (TDTT) cấp tỉnh/thành phố: Nhật (VT1), Nhi (VT2), Ba (VT3), Khuyến khích (VT4)</i>		<i>Đạt giải văn hóa, khoa học kỹ thuật cấp quốc gia: Nhật (GH1), Nhi (GH2), Ba (GH3), Khuyến khích (GH4)</i>	

**Chú ý:** Nếu TS có nhiều diện được quy định viết tắt ở trên thì giữa mỗi loại cách nhau bởi dấu ", ". Ví dụ: VIII, D, VKK, A2, 2HC (HS có giải Nhi Thành phố môn văn hóa, được hưởng chính sách dân tộc, đang sống ở vùng KT-XH khó khăn, có chứng chỉ tiếng Đức A2 trở lên, đăng ký thi Song bằng tú tài).

**PHẦN II: ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 KHÔNG CHUYÊN TRƯỜNG THPT**

**Mục 17:** Ghi rõ tên Ngoại ngữ đăng ký học tại trường THPT là một trong các thứ tiếng: tiếng Pháp (trường hợp TS đăng ký học ngoại ngữ là tiếng Pháp hệ 3 năm trường THPT Sơn Tây); tiếng Đức (trường hợp TS đăng ký học tiếng Đức là ngoại ngữ 2 hệ 7 năm trường THPT Việt Đức); tiếng Nhật (trường hợp TS đăng ký học tiếng Nhật là ngoại ngữ 1 tại các trường Chu Văn An, Kim Liên, Việt Đức). Các trường hợp khác, ghi là tiếng Anh.  
**Mục 18:** TS có thể đăng ký ngoại ngữ thi là một trong các ngoại ngữ sau: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Đức, tiếng Hàn (tùy theo khả năng, không bắt buộc phải thi môn ngoại ngữ được học ở cấp THCS). Riêng trường hợp đăng ký ngoại ngữ học THPT là tiếng Đức ngoại ngữ 2 hệ 7 năm thì ngoại ngữ thi bắt buộc phải là tiếng Đức. TS được hưởng chế độ tuyển thẳng mà không có nguyên vọng thì trường không phải ghi mục này.  
**Mục 19:** Ghi khu vực tuyển sinh mà TS đăng ký dự tuyển (nếu KVTS đăng ký khác KVTS theo Hồ khẩu thường trú thì TS phải có Đơn xin đổi KVTS - Mẫu M02, trong đó nêu rõ lý do và được cơ sở giáo dục xác nhận).  
**Mục 20:** Ghi rõ số lượng nguyện vọng (NV) và tên trường, mã trường THPT tương ứng, cụ thể:  
- Nếu TS chỉ có **01 NV**: NV có thể là trường THPT công lập bất kỳ trên toàn Thành phố.  
- Nếu TS chọn **02 NV**: NV1 phải nằm trong KVTS theo quy định tại mục 18, NV2 có thể là trường THPT công lập ở KVTS bất kỳ.  
- Nếu TS chọn **03 NV**: NV1 và NV2 phải trong cùng KVTS theo quy định tại mục 18, NV3 có thể là trường THPT công lập ở KVTS bất kỳ.  
- Nếu đăng ký dự tuyển để lấy điểm xét tuyển vào các trường công lập tự chủ hoặc ngoài công lập (tư thục) tuyển sinh theo phương án sử dụng kết quả thi thì ghi như sau:  
+ Dòng Nguyên vọng 1: Ghi tên một trường THPT công lập và mã số trường THPT để lấy địa điểm dự thi.  
+ Dòng Nguyên vọng 2: Ghi "NCL" (chữ in hoa).  
- Nếu TS đăng ký xét tuyển thẳng vào trường THPT công lập muốn theo học, cách ghi như sau:  
+ Dòng Nguyên vọng 1: Ghi tên và mã số một trường THPT công lập đăng ký tuyển thẳng. Trường đăng ký tuyển thẳng phải thuộc KVTS theo Hồ khẩu thường trú (Mục 10).  
+ Dòng Nguyên vọng 2: Ghi "Tuyển thẳng (x)". Trong đó "x" là diện tuyển thẳng, có thể là: a-TS trường Dân tộc nội trú; b-TS dân tộc rất ít người; c-TS khuyết tật; d-TS đạt giải Quốc gia trở lên về văn hóa, văn nghệ, TDTT. *Ví dụ:* ghi "Tuyển thẳng (c)" có nghĩa: TS khuyết tật đăng ký tuyển thẳng.

**PHẦN III. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 CHUYÊN TRƯỜNG**

**Mục 21:** Ngoại ngữ thi thay thế môn chuyên ngữ: TS ghi tên môn ngoại ngữ để thay thế chuyên ngữ (ví dụ dự tuyển Chuyên Tiếng Pháp trường THPT chuyên Nguyễn Huệ đăng ký thi bằng tiếng Anh/Nhật/Đức/Hàn; dự tuyển Chuyên Tiếng Trung/Tiếng Nga thì bằng tiếng Anh/Pháp/Nhật/Đức/Hàn), các trường hợp còn lại để trống.  
**Mục 22:** Điền tổng điểm sơ tuyển.  
**Mục 23:** Ghi nguyện vọng chuyển theo bảng hướng dẫn. Lưu ý:  
\* **Lớp chuyên có tổ chức thi:**  
**Thi vào lớp chuyên:** Ghi lớp chuyên đăng ký dự thi vào buổi thi (sáng, chiều) tương ứng.  
- Buổi sáng (20/6/2022) thi vào các lớp chuyên: Ngữ Văn, Toán, Sinh học, Tiếng Pháp, Tin học và thi tiếng Nhật, tiếng Đức, tiếng Hàn thay thế.  
- Buổi chiều (20/6/2022) thi vào các lớp chuyên: Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh, Lịch sử, Địa lý.  
\* **Lớp Chuyên Tiếng Trung, Tiếng Nga:** Nếu đăng ký 2 lớp chuyên này, TS phải điền dấu "X" tại dòng tương ứng của cột "Thi vào lớp chuyên" trong Bảng.  
\* **Trường hợp đặc biệt:**  
- TS đăng ký dự tuyển tiếng Pháp Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ:  
+ Đăng ký lớp Chuyên "Tiếng Pháp" tại dòng "Buổi sáng 20/6/2022";  
+ Nếu đăng ký môn thi thay thế là tiếng Anh sẽ không được đăng ký các lớp chuyên khác ở dòng "Buổi chiều 20/6/2022" trừ Chuyên Tiếng Anh Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ. Nếu môn thay thế là tiếng Nhật, tiếng Đức, tiếng Hàn thì vẫn được đăng ký các chuyên khác (không phải là Chuyên Tiếng Anh) vào dòng "Buổi chiều 20/6/2022";  
- TS đăng ký dự tuyển cả Chuyên Tiếng Pháp (không đăng ký môn thi thay thế) và Chuyên Tiếng Anh, Ngoại ngữ thi chiều ngày 18/6/2022 phải là tiếng Pháp (trừ trường hợp TS đăng ký thi vào lớp tiếng Đức hệ 7 năm của trường THPT Việt Đức).

**PHẦN IV. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 HỆ SONG BẰNG TỰ TÀI**

**Mục 24, 25:** Ghi vào các dòng Nguyên vọng 1, Nguyên vọng 2 theo nguyện vọng của TS (chỉ có một nguyện vọng thì ghi tên trường đó vào dòng Nguyên vọng 1).

**PHẦN V. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 TIẾNG PHÁP SONG NGỮ**

**Mục 26:** Ghi điểm Pháp ngữ chương trình song ngữ tiếng Pháp của TS vào ô này.  
**Mục 27, 28:** Ghi tên trường THPT (chuyên Hà Nội-Amsterdam/Chu Văn An) và Mã trường THPT tương ứng.  
**Mục 29:** Điền dấu "X" vào ô tương ứng nếu có nguyện vọng đăng ký dự tuyển vào lớp tiếng Pháp tăng cường của trường THPT Việt Đức.

**ĐƠN XIN CHUYỂN ĐỔI KHU VỰC TUYỂN SINH**

*Mẫu M02*

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo .....

Tên em là: .....

Sinh ngày ..... tháng ..... năm .....

Là học sinh lớp: ..... Trường: .....

Hộ khẩu thường trú: .....

Thuộc khu vực tuyển sinh (theo hộ khẩu thường trú):

Em làm đơn này xin được chuyển đổi sang khu vực tuyển sinh:

Lý do: .....

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

Kính đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo..... xem xét giải quyết.

**CHA MẸ HỌC SINH**

*(Ký, ghi họ tên)*

**HỌC SINH**

*(Ký, ghi họ tên)*

*Ngày.....tháng 4 năm 2022*  
**XÁC NHẬN CỦA HIỆU TRƯỞNG**  
**(GD TTGDNN-GD TX)**  
*(Ký tên và đóng dấu)*

PHÒNG GDĐT .....  
 Trưởng THCS: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Độc lập - tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ  
 VÀO HỌC LỚP 10 THPT TRƯỚC MỘT TUỔI  
 Năm học 2022-2023**

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại		Ghi chú
			Học lực	Hạnh kiểm	
1					
2					
3					
...					

Danh sách có ..... học sinh.

**ĐỀ NGHỊ CỦA PHÒNG GDĐT  
 TRƯỞNG PHÒNG**  
 (Ký tên và đóng dấu)

Hà Nội ngày ..... tháng ..... năm 2022  
**HIỆU TRƯỞNG**  
 (Ký tên và đóng dấu)

Mẫu M08 (được in từ phần mềm quản lý thi)

Danh sách đăng lý

Cum Trường Lớp Mẫu in Sắp xếp In toàn cum

30101-Ba Đình 01030101-THCS Ba Đình DS ĐK dự thi Lớp, họ tên Quay ra

SỐ GDĐT THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
 PHÒNG GDĐT BA ĐÌNH  
 TRƯỞNG THCS BA ĐÌNH

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐĂNG KÝ DỰ THI VÀO LỚP 10 THPT**

Khóa thi ngày: 12/06/2021  
 Cơ KVTS 05 có nghĩa là KVTS đ. 1 + 5 KVTS HK

Trang: 1

STT	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Lớp	Xếp loại HK	Xếp loại HL	NN học THPT	Điểm ưu tiên	Ghi chú	KV TS	Số NV	Nguyên vọng cử tuyển	HKS ký tên		
1	LÊ VŨ HAI	AN	12/11/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	K	Anh	Anh			1	3	Nguyễn Trì - Hà Đình/Tây Hồ	Mỹ Đình
2	DÓ LAN	ANH	01/04/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	K	Anh	Anh			1	3	Nguyễn Trì - Hà Đình/Tây Hồ	Mỹ Đình
3	LAI MINH	ANH	10/01/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	G	Anh	Anh			3	3	Chu Văn An	Quang Trung - Đống Đa
4	NGUYỄN CHAU	ANH	22/08/2006	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	9A1	T	G	Anh	Anh			1	1	Chu Văn An	Tôn Hưng Đạo - Thanh Xuân
5	NGUYỄN VIỆT	ANH	19/08/2006	Hà Nội	Nam	9A1	T	G	Anh	Anh			1/3	3	Phạm Đình Phùng	Nguyễn Trì - Hà Đình/Tây Hồ
6	NGUYỄN VŨ TRAM	ANH	14/11/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	K	Anh	Anh			1	3	Nguyễn Trì - Hà Đình/Tây Hồ	Tôn Hưng Đạo - Thanh Xuân
7	SINH HAI	ANH	11/10/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	G	Anh	Anh			1	3	Phạm Đình Phùng	Nguyễn Trì - Hà Đình/Tây Hồ
8	LÊ HÀ	CHI	23/10/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	G	Anh	Anh			1	3	Phạm Đình Phùng	Nguyễn Trì - Hà Đình/Tây Hồ
9	HOANG KIM	DUNG	27/08/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	G	Anh	Anh			1	3	Phạm Đình Phùng	Nguyễn Trì - Hà Đình/Tây Hồ
10	ĐÀO TIÊN	DUNG	25/10/2006	Thái Bình	Nam	9A1	T	G	Anh	Anh			5	2	Nguyễn Cúc Triều	Nguyễn Văn Cừ
11	DÓ MINH	ĐỨC	12/10/2006	Hà Nội	Nam	9A1	T	K	Anh	Anh			1	3	Nguyễn Trì - Hà Đình/Tây Hồ	Đau Mỹ
12	LÊ HOANG THỊ	HOA	16/06/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	K	Anh	Anh			1	2	Nguyễn Trì - Hà Đình/Tây Hồ	
13	NGUYỄN VŨ	HOY	23/10/2006	Hà Nội	Nam	9A1	T	G	Anh	Anh			1	2	Nguyễn Trì - Hà Đình/Tây Hồ	
14	PHAM HIỆU	LAM	05/11/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	G	Anh	Anh			1	3	Phạm Đình Phùng	Nguyễn Trì - Hà Đình/Tây Hồ
15	BÀNG BAO NGỌC	LANH	29/12/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	G	Anh	Anh			1	2	Phạm Hồng Thái	Tây Hồ
16	LÊ PHƯƠNG	LANH	02/11/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	G	Anh	Anh			1	3	Phạm Hồng Thái	Nguyễn Trì - Hà Đình/Tây Hồ
17	MAI PHƯƠNG	LANH	11/08/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	K	Anh	Anh			1	2	Nguyễn Trì - Hà Đình/Tây Hồ	
18	NGUYỄN TÀI	LANH	08/02/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	G	Anh	Anh			1	3	Phạm Hồng Thái	Quang Trung - Đống Đa
19	NGUYỄN KHANH	LANH	15/01/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	G	Anh	Anh			1	3	Chu Văn An	Phạm Hồng Thái
20	NGUYỄN NGỌC	LANH	15/01/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	G	Anh	Anh			1	3	Phạm Đình Phùng	Nguyễn Trì - Hà Đình/Tây Hồ
21	NGUYỄN NGỌC	LANH	11/06/2006	Hà Nội	Nữ	9A1	T	G	Anh	Anh			1	3	Phạm Hồng Thái	Tây Hồ

Page 1 of 8

SỞ GD&amp;ĐT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Đơn vị.....

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../KH-.....

Hà Nội, ngày.....tháng 4 năm 2022

**KẾ HOẠCH**  
**VỀ CÔNG TÁC TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**  
**NĂM HỌC 2022-2023**

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGD&ĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở (THCS), trường trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-SGD&ĐT ngày / /2022 của Sở GD&ĐT về việc giao chỉ tiêu kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 ..... năm học 2022-2023;

Căn cứ Công văn số...../SGD&ĐT-QLT ngày / /2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2022-2023;

Căn cứ đặc điểm tình hình thực tế của Trường/Trung tâm.....năm học 2022-2023;

Trường/Trung tâm.....ban hành kế hoạch công tác tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2022-2023, cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU****II. NỘI DUNG**

1. Phương án và đối tượng tuyển sinh
2. Độ tuổi dự tuyển
3. Hồ sơ dự tuyển
4. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh
5. Thời gian tuyển sinh

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Phân công nhiệm vụ
2. Chế độ báo cáo

**Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT;
- Thành viên HĐTS;
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC***(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

Mẫu M11



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
Đơn vị:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2022

**BÁO CÁO**

**CÔNG TÁC TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT  
NĂM HỌC 2022 – 2023**

1. Báo cáo thống kê số lượng tuyển sinh  
a. Đối với các trường THPT công lập không chuyên

Lớp	Chi tiêu được giao	Điểm chuẩn lần 1	Điểm chuẩn lần 2 (nếu có)	NV1 (hs)	NV2 (hs)	NV3 (hs)	Tổng số đã tuyển	So với chi tiêu		Ghi chú
								Thừa	Thiếu	
Tiếng Anh										
Tiếng Nhật										
Tiếng Đức										
Tiếng Pháp										
Tiếng Hàn										

- b. Đối với các trường THPT công lập TCTC, ngoài công lập, trung tâm GDNN-GDTX

Chi tiêu được giao/số lớp	Tổng số học sinh đã tuyển	Chia ra			So với chi tiêu		Ghi chú
		Học sinh nội tỉnh		Ngoại tỉnh	Thừa	Thiếu	
		Tốt nghiệp năm học 2021-2022	Tốt nghiệp năm trước				

2. Thuận lợi, khó khăn và Ý kiến đề xuất (nếu có)

- a. Thuận lợi

.....

- b. Khó khăn

.....

- c. Ý kiến đề xuất

.....

.....

**HIỆU TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



**Mẫu số 06***(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019)***MẤU GIẤY XÁC NHẬN KHUYẾT TẬT**

<b><sup>1</sup>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>	
<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>	
-----	
<b><sup>2</sup>GIẤY XÁC NHẬN KHUYẾT TẬT</b>	
<b><sup>3</sup>Số hiệu:.....</b>	
<b><sup>4</sup>Họ và tên: .....</b>	
<b><sup>5</sup>Ngày, tháng, năm sinh: .....</b>	
<b><sup>6</sup>Giới tính:.....</b>	
<b><sup>7</sup>Nơi ĐKKH thường trú:.....</b>	
<b><sup>8</sup>Nơi ở hiện nay:.....</b>	
<b><sup>9</sup>Dạng khuyết tật:.....</b>	
<b><sup>10</sup>Mức độ khuyết tật: .....</b>	
<b><sup>11</sup>Ngày.....tháng .....năm.....</b>	
<b><sup>12</sup>Chủ tịch UBND.....</b>	
<i>(Ký tên, đóng dấu)</i>	

**Chú thích:****<sup>1</sup>Quốc hiệu:**

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: chữ in hoa, chữ đứng, đậm, màu đen

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc: chữ in thường, chữ đứng, đậm, màu đen

**<sup>2</sup>Giấy xác nhận khuyết tật:** Chữ in hoa, chữ đứng, đậm, màu đỏ.**<sup>3</sup>Số hiệu:** Ghi mã số đơn vị hành chính cấp xã theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 7/8/2004 về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam và sáu chữ số ghi thứ tự người khuyết tật. Ví dụ: Người khuyết tật thứ 3 tại xã Đại Lai, Huyện Gia Bình tỉnh Bắc Ninh có số hiệu là: 09469.000003; Người khuyết tật thứ 108 tại Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội có số hiệu: 00076.000108. Ghi số, chữ in thường, chữ đứng, màu đen.**<sup>4</sup>Họ và tên:** Chữ in hoa, chữ đứng, đậm, màu đen.**<sup>5</sup>Ngày, tháng, năm sinh:** Ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh, chữ thường.**<sup>6</sup>Giới tính:** Ghi "Nam" hoặc "Nữ", chữ in thường, chữ đứng, màu đen.**<sup>7</sup>Nơi đăng kí hộ khẩu thường trú:** Ghi theo số hộ khẩu của người khuyết tật, chữ in thường, chữ đứng, màu đen.**<sup>8</sup>Nơi ở hiện nay:** Chữ in thường, chữ đứng, màu đen**<sup>9</sup>Dạng khuyết tật:** Ghi đúng các dạng khuyết tật theo quy định tại Điều 3 Luật người khuyết tật, chữ in thường, chữ đứng, màu đen.**<sup>10</sup>Mức độ khuyết tật:** Ghi đúng mức độ khuyết tật theo quy định tại Điều 3 Luật người khuyết tật, chữ in thường, chữ đứng, màu đen.**<sup>11</sup>Ngày tháng năm:** Chữ in thường, chữ đứng, màu đen.**<sup>12</sup>Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký tên, đóng dấu:** ghi chữ in thường, chữ đứng, đậm, màu đen



.....(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Mẫu CT07 ban hành theo  
 .....(2) **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** TT số /2021/TT-BCA  
ngày 15/5/2021

Số: /XN ..... , ngày.....tháng.....năm.....

### XÁC NHẬN THÔNG TIN VỀ CƯ TRÚ

#### I. Theo đề nghị của Ông/Bà:

1. Họ, chữ đệm và tên :.....  
 2. Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... 3. Giới tính: .....

Số định danh cá nhân/CMND:																	
----------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

5. Dân tộc:..... 6. Tôn giáo:..... 7. Quốc tịch:.....  
 8. Quê quán:.....

#### II. Công an <sup>(2)</sup>..... xác nhận thông tin về cư trú của Ông/Bà có tên tại mục I, như sau:

1. Nơi thường trú:.....  
 2. Nơi tạm trú:.....  
 3. Nơi ở hiện tại:.....  
 4. Họ, tên đệm và tên chủ hộ:..... 5. Quan hệ với chủ hộ :.....

Số định danh của chủ hộ:																	
--------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

7. Thông tin các thành viên khác trong hộ gia đình:

TT	Họ, chữ đệm và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân/CMND	Quan hệ với chủ hộ

8. Nội dung xác nhận khác <sup>(3)</sup> : .....

Xác nhận thông tin cư trú này có giá trị đến hết ngày.....tháng.....năm..... <sup>(4)</sup>

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*  
  
*(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan)*

*Chú thích:*

(1) Cơ quan cấp trên của cơ quan đăng ký cư trú;  
 (2) Cơ quan đăng ký cư trú;  
 (3) Các nội dung xác nhận khác (ví dụ: xác nhận trước đây đã đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú ...);  
 (4) Có giá trị 06 tháng kể từ ngày cấp đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Cư trú và có giá trị 30 ngày kể từ ngày cấp đối với trường hợp xác nhận về cư trú. Trường hợp thông tin về cư trú của công dân có sự thay đổi, điều chỉnh và được cập nhật trong cơ sở dữ liệu về cư trú thì xác nhận này hết giá trị kể từ thời điểm thay đổi.

**Phụ lục XII**

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
XÁC NHẬN THÔNG TIN VỀ CƯ TRÚ**

*(Kèm theo Công văn số 944/SGDDĐT-QLT ngày 12/4/2022  
của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

1. Tên thủ tục hành chính: Xác nhận thông tin về cư trú.
2. Cổng dịch vụ công trực tuyến: <http://bocongan.gov.vn>.
3. Quy trình:

**Bước 1:** Cá nhân, tổ chức chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

**Bước 2:** Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tại Công an cấp xã (hoặc vào cổng dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ <http://bocongan.gov.vn>; chọn *Dịch vụ công*; chọn *Đăng ký, quản lý cư trú*; chọn *Xác nhận thông tin về cư trú*).

**Bước 3:** Cơ quan đăng ký cư trú kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ.

**Bước 4:** Căn cứ theo ngày hẹn trên phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận thông báo kết quả giải quyết thủ tục đăng ký cư trú (nếu có)./.